

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01 /2021/KDTM-ST
Ngày: 18-01-2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Kiệt.**

2. Ông **Nguyễn Văn Long.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trọng** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần kim khí thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Trí Nghĩa – Tổng Giám đốc.

Trụ sở: số 193 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Lệ Châu – Chuyên viên.(Có mặt)

Văn bản ủy quyền số 453/GUQ-KK ngày 25 tháng 9 năm 2020

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B.

Người đại diện theo pháp luật ông Lê Văn Bình – Giám đốc. (Vắng mặt)

Trụ sở: số 79B-80 đường Lý Thường Kiệt, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Trí N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công ty cổ phần kim khí Thành phố H và công ty TNHH thép B có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 022-2020/HMC/KD1-BN ngày 02/01/2020. Theo đó, loại hàng – quy cách chủng loại, giá cả và thời hạn thanh toán,.. sẽ theo từng đơn đặt hàng của bên mua hoặc văn bản báo giá của bên bán được hai bên ký xác nhận. Quá trình mua bán, phía công ty trách nhiệm hữu hạn thép B còn nợ công ty cổ phần kim khí thành phố H số tiền 1.628.142.032 đồng, và 101.306.249 đồng tiền lãi phát sinh theo bảng tổng hợp đối chiếu công nợ ngày 23/6/2020.

Phía công ty cổ phần kim khí thành phố H đã nhiều lần nhắc nhở và đôn đốc việc trả nợ nhưng phía công ty trách nhiệm hữu hạn thép B không thực hiện. Do đó, nay công ty cổ phần kim khí thành phố H khởi kiện, yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn thép B phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.729.448.281 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 022-2020/HMC/KD1-BN ngày 02/01/2020.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B và người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của Công ty cổ phần kim khí thành phố H và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B cũng như người đại diện theo pháp luật của Công ty đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị Lệ C yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn thép B phải trả số tiền 1.869.364.273 đồng, trong đó nợ gốc là 1.628.142.032 đồng và tiền lãi chậm trả từ 15/3/2020 đến 18/01/2021 là 241.222.241 đồng.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B và người đại diện của bị đơn vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty cổ phần kim khí thành phố H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B về yêu cầu thanh toán tiền nợ còn thiếu theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Bị đơn là pháp nhân có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ tại phường 5, thành phố M tại thời điểm thụ lý theo giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Công ty cổ phần kim khí thành phố H và Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B ký hợp đồng mua bán số 022-2020/HMC/KD1-BN ngày 02 tháng 01 năm 2020, bản hợp đồng này có hình thức, nội dung không trái pháp luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại năm 2005.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 1.628.142.032 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như hợp đồng nguyên tắc số 022-2020/HMC/KD1-BN ngày 02 tháng 01 năm 2020; và các hóa đơn số 0000521, 0000523, 0000526, 0000527, 0000535, 0000563, có cơ sở khẳng định: Ngày 02/01/2020, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thép B có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 022-2020/HMC/KD1-BN ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc mua các sản phẩm thép tấm, thép cuộn, thép hình, thép lát, thép xây dựng, thép mạ, .. của công ty cổ phần kim khí thành phố H. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ hàng hóa nhưng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

Căn cứ vào Biên bản cản trừ công nợ ngày 03/6/2020; 12/6/2020 và bảng tổng hợp đối chiếu công nợ bán hàng đến 23/6/2020, các bên cùng nhau xác nhận số nợ gốc mà bị đơn còn thiếu là 1.628.142.032 đồng. Xét thấy, mặc dù Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B xác nhận số tiền còn nợ còn thiếu công ty cổ phần kim khí thành phố H nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Như vậy, đủ căn cứ xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều III của Hợp đồng số 022-2020/HMC/KD1-BN ngày 02 tháng 01 năm 2020. Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, thông báo kết quả hòa giải và công khai chứng cứ, trong các thông báo của Tòa án nói rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía Công ty trách nhiệm hữu hạn Thép B không có ý kiến phản đối nào đối với chữ ký của mình tại các hợp đồng mua bán, văn bản đối chiếu công nợ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên theo khoản 2 Điều 92, Điều 94 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B phải có trách nhiệm thanh toán 1.628.142.032 đồng tiền nợ gốc còn thiếu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng mua bán các bên đều có thoả thuận điều khoản thanh toán *“Thời gian Bên B thanh toán tiền hàng cho Bên A thể hiện trên từng hóa đơn đặt hàng của Bên B, thông báo giá của bên A hoặc phụ lục hợp đồng,.. có ký xác nhận của hai bên.*

Trường hợp bên B mua hàng trả chậm:

Thời gian trả chậm theo từng đơn hàng cụ thể nhưng tối đa không quá 30 ngày,...”.

Và theo mục 4.1 Điều 4 của hợp đồng các bên thống nhất nợ gốc khi quá hạn, bên mua hàng phải có nghĩa vụ trả cho bên bán số tiền lãi chậm trả với mức lãi suất chậm trả là 1,25%/ tháng, công thức tính như sau:

“Tiền lãi chậm trả = số tiền nợ quá hạn (x) số ngày trễ hạn (x) mức lãi suất chậm trả năm /365 ngày.

Trong đó mức lãi suất chậm trả tùy theo thời gian quá hạn được tính cụ thể như sau:

(i) Thời gian quá hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, mức lãi suất chậm trả bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng Vietinbank- chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng 3.2%,.. Căn cứ thông báo lãi suất tiết kiệm của Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, bên A sẽ thông báo mức lãi suất chậm trả cho bên B mỗi khi có thay đổi lãi suất.

(ii) Thời gian quá hạn trên 30 ngày, mức lãi suất chậm trả bằng 150% mức lãi suất trả chậm áp dụng cho thời gian quá hạn không quá 30 ngày (hiện nay là 10%/ năm x 150%=1,25%/ tháng”.

Đối chiếu với 06 hóa đơn giá trị gia tăng do nguyên đơn cung cấp, cụ thể:

- Các hóa đơn đã thanh toán xong nhưng chậm trả gồm có: Hóa đơn số 0000521 xuất ngày 14/02/2020, bắt đầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 15/3/2020 đến ngày 09/6/2020 đối với số tiền 446.370.540 đồng; Hóa đơn số 0000523 xuất ngày 17/02/2020, bắt đầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 18/3/2020 đến ngày 11/6/2020 đối với số tiền 474.451.725; Những hóa đơn đến nay vẫn chưa thanh toán gồm: Hóa đơn số 0000526 xuất ngày 19/02/2020, bắt đầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 20/3/2020 đến ngày 11/6/2020 đối với số tiền 453.880.350 đồng và tiếp tục tính lãi phạt chậm thanh toán từ ngày 12/6/2020 đến ngày 18/01/2021 đối với số tiền 190.576.067; Hóa đơn số 0000527 xuất ngày 20/02/2020, bắt đầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 21/3/2020 đối với số tiền 493.063.615; Hóa đơn số 0000535 xuất ngày 26/0/2020, bắt đầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 27/3/2020 đối với số tiền

471.251.000 đồng; Hóa đơn số 0000563 xuất ngày 06/3/2020, bắt đầu tính lãi từ ngày 05/4/2020 đối với số tiền 473.251.350 đồng.

Như vậy, bị đơn đã xác nhận và cam kết trả nợ tức là đã nhận đủ số lượng hàng hoá nguyên đơn giao, bị đơn không trả nợ đúng cam kết nên phải chịu tiền lãi chậm thanh toán. Do đó, Công ty cổ phần kim khí thành phố H yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn thép B trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo mức lãi suất 1,25%/ tháng trên số tiền nợ gốc theo các hóa đơn, với tổng số tiền 241.222.241 đồng là phù hợp với hợp đồng đã ký kết và quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 24, Khoản 1 Điều 50, Điều 55, Điều 300, 301, 306, 307 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần kim khí thành phố H.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần kim khí thành phố H số tiền 1.869.364.273 đồng (trong đó số tiền gốc là 1.628.142.032 đồng và số tiền lãi là 241.222.241 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B không trả khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn Thép B còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 68.081.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần kim khí thành phố H số tiền 31.941.724 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002065 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang .

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thép B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh